

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3655**/UBND-KT

Đắk Lắk, ngày **10** tháng **5** năm 2018

V/v mua thuốc cấp bách trong  
kế hoạch năm 2018 của BVĐK tỉnh

Kính gửi: Sở Y tế.

Xử lý Công văn số 1038/SYT-NVD ngày 07/3/2018 của Sở Y tế, về việc mua thuốc cấp bách trong kế hoạch năm 2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh (phôtô kèm theo);

Để đảm bảo kịp thời cung ứng thuốc phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn tỉnh trong thời gian chờ kết quả lựa chọn nhà thầu, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về danh mục mặt hàng thuốc: Đối với mặt hàng số thứ tự số 06 (mã số G3169), tên hoạt chất Diazepam, yêu cầu Sở Y tế kiểm tra, rà soát lại số lượng đề xuất mua cấp bách cho phù hợp với quy định (kế hoạch năm 2018, Bệnh viện đa khoa tỉnh xây dựng kế hoạch là 19.200 viên (nhóm 3), nhưng số lượng đề xuất mua trong kế hoạch (nhóm 3) tương đối cao, trong khi Bệnh viện đang còn tồn kho là 917 viên).

2. Sở Y tế chịu trách nhiệm trong công tác kiểm tra, rà soát và thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc cấp bách trong kế hoạch được duyệt năm 2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh, đảm bảo đúng tình hình thực tế và đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

*(Danh mục thuốc đề xuất mua sắm cấp bách chi tiết kèm theo)*

Nhận được Công văn này, Sở Y tế khẩn trương triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- BVĐK tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT (y\_10b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**H' Yim Kdoh**



**PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC GENERIC**  
(Kèm theo Công văn số 3655/UBND-KT ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh)

STT	Mã số	Hoạt chất	Nhóm	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch được phê duyệt 2017	Số lượng kế hoạch được phê duyệt 2018	Số lượng tương ứng 02 tháng	Số lượng dự trữ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
<b>I Thuốc thuộc danh mục không trúng thầu năm 2017 (đã đưa vào kế hoạch năm 2018)</b>													
1	G2395	Methotrexat	2	50mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống	25	200	8	25	69.000	1.725.000	
2	G3480	Paracetamol (acetaminophen)	3	150mg	Viên đặt	Viên	6.600	12.000	2.200	1.400	1.587	2.221.800	
3	G5499	Phenobarbital	5	100mg/ml	Thuốc tiêm	Ống	1.650	2.500	550	410	11.500	4.715.000	
4	G1216	Ephedrin (hydroclorid)	1	30mg/ml	Thuốc tiêm	Ống	7.600	16.500	2.533	2.600	57.700	150.020.000	Tổng số lượng kế hoạch của 02 nhóm
5	G5521	Pralidoxim iodid	5	500mg	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống	2.200	2.200	733	360	45.000	16.200.000	
6	G3169	Diazepam	3	5mg	Viên uống	Viên	7.700	24.000	2.567	4.000	200	800.000	Yêu cầu rà soát lại
<b>II Thuốc thuộc danh mục cấp cơ sở năm 2018</b>													
1	G3002	Acenocoumarol	3	4mg	Viên uống	Viên		11.300	1.883	1.800	1.976	3.556.800	Tổng số lượng kế hoạch của 03 nhóm
2	G3598	Tenofovir (TDF)	3	300mg	Viên uống	Viên		43.500	7.250	3.000	2.490	7.470.000	
3	G3004	Acetazolamid	3	250mg	Viên uống	Viên		16.000	2.667	1.000	735	735.000	
4	G3502	Phenytoin	3	100mg	Viên uống	Viên		14.000	2.333	2.000	331	662.000	
5	G3222	Erythropoietin	3	2000IU	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống		22.000	3.667	2.000	142.000	284.000.000	Tổng số lượng kế hoạch của 02 nhóm
6	G3324	Kẽm Gluconat	3	70mg	Viên uống	Viên		75.000	12.500	10.000	336	3.360.000	Tổng số lượng kế hoạch của các dạng bào chế
7	G3260	Gemcitabin	3	1g	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống		80	13	13	682.083	8.867.079	Tổng số lượng kế hoạch của 02 hàm lượng
8	G3142	Cloramphenicol + Xanh methylen	3	125mg + 20mg	Viên Uống	Viên		18.000	3.000	2.000	450	900.000	
9	G3101	Carboplastin	3	150mg/15ml	Thuốc tiêm	Lọ		600	100	100	261.566	26.156.600	Thuốc thuộc danh mục trúng thầu năm 2017 nhưng công ty không cung ứng được, Sở Y tế đã chấm dứt hợp đồng (300 lọ)
10	G5423	Nalidixic acid	5	500mg	Viên uống	Viên		4.500	750	750	692	519.000	

STT	Ma số	Hoạt chất	Nhóm	Hàm lượng	Dạng bao chế	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch được phê duyệt 2017	Số lượng tương ứng 02 tháng dự trữ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Chỉ chú
11	G5441	Natri hyaluronat	5	0,1%, 5ml	Dung dịch/ hỗn dịch	Lọ	7.000	1.167	28.000	30.800.000	Tổng số lượng kế hoạch của 02 nhóm
12	G1329	Ketamin	1	50mg/ml, lọ 10ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống	800	133	52.500	6.825.000	
13	G5292	Hyaluronidase	5	1500UI	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống	430	72	69.000	4.830.000	
14	G3457	Nifedipin	3	30mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	210.000	35.000	6.000	120.000.000	Tổng số lượng kế hoạch của 02 nhóm
15	G1552	Salbutamol (sulfat)	1	100mcg/hiệu	Hòn dịch xịt qua bình định liều đều áp	Bình xịt	3.000	500	76.379	3.818.950	
16	G1300	Immune globulin Kháng HbsAg	1	200UI/0,4ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống	180	30	1.700.000	34.000.000	
17	G4141	Clopidogrel	4	75mg	Viên uống	Viên	80.000	13.333	3.550	35.500.000	Tổng số lượng kế hoạch của 02 nhóm
18	G1402	Midazolam	1	5mg/1ml	Thuốc tiêm	Ống	12.000	2.000	18.000	9.000.000	
19	G1189	Dobutamin	1	250mg/20ml	Thuốc tiêm	Ống	6.000	1.000	61.722	37.033.200	Tổng số lượng kế hoạch của 02 nhóm
20	G1282	Granisetron hydrochlorid	1	1mg/ml	Thuốc tiêm	Ống	1.200	200	57.000	11.400.000	
21	G2483	Paracetamol (acetaminophen)	2	1g/100ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	14.000	2.333	23.500	47.000.000	Tổng số lượng kế hoạch của 02 nhóm
22	G1473	Pamidronat	1	30mg/2ml	Thuốc tiêm truyền	Ống	150	25	931.000	18.620.000	
<b>Tổng cộng : 28 khoản</b>											
										<b>870.735.429</b>	



**PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BIỆT DƯỢC**

(Kèm theo Công văn số **3655**/UBND-KT ngày **10** /5/2018 của UBND tỉnh)

STT	Mã số	Tên thuốc	Hoạt chất	Nhóm	Hàm lượng	Dạng bào chế	SĐK hoặc GPNK	Đơn vị tính	Số lượng kê hoạch được phê duyệt 2018	Số lượng tương ứng 02 tháng	Số lượng dự trữ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	BD021	Desferal	Deferoxamin	BDG	500mg	Thuốc tiêm/ Dung dịch tiêm	VN-20838-17; VN-16851-13	Lọ	2500	417	410	146.116	59.907.560	Thuốc thuộc danh mục trúng thầu năm 2017 nhưng công ty không cung ứng được, Sở Y tế đã chấm dứt hợp đồng (2.070 viên)
<b>Tổng cộng: 1 khoản</b>													<b>59.907.560</b>	